

## ĐỀ NGOẠI NHI 2017 (ĐỀ A)

Câu 1: Các hội chứng di truyền như Beckwith – Wiedemann, W.A.G.R đa polyp gia đình hoặc tật phì đại chi, lỗ tiểu thấp cần phát hiện bướu ác đặc trẻ em trong 4 năm đầu cuộc sống vì:

- A. Có liên quan đến tiên lượng trong ung bướu nhi
- B. Có tần suất gặp bướu ác đặc cao hơn so với trẻ thường**
- C. Làm diễn tiến bệnh ung bướu xấu hơn so với trẻ thường
- D. Đáp ứng điều trị kém hơn so với trẻ thường
- E. Do phát hiện và điều trị ung bướu giai đoạn sớm nên có tiên lượng tốt

Câu 2: Quan điểm phẫu thuật làm giảm thiểu tổng số khối tế bào bướu tạo thuận lợi sau cho hóa trị hoặc xạ trị KHÔNG ĐÚNG vì

- A. Làm rơi vãi tế bào bướu
- B. Tăng nguy cơ gieo rắc tế bào tại chỗ, tại vùng và di căn xa âm thầm
- C. Làm chậm phát triển khối bướu nguyên phát nên tạo cơ may đáp ứng điều trị đa mô thức
- D. Cắt bướu sớm tránh biến chứng xuất huyết do vỡ bướu tạo nên cơ may đáp ứng điều trị đa mô thức
- E. Mục đích cuối cùng của phẫu thuật trị là cắt trọn bướu hoàn toàn ( không sót bướu về vi thể R0) hoặc sót bướu vi thể R1 và yêu cầu phải tránh làm sót bướu đại thể hoặc vỡ bướu R2**

Câu 3: Chống chỉ định trong sinh thiết bướu thận

- A. Bướu dạng nang
- B. Bướu nghi ngờ xuất huyết hay dọa vỡ
- C. A và B đúng và trẻ < 6 tháng**
- D. Trẻ có di căn phổi
- E. Trên hình ảnh chẩn đoán có những dấu hiệu ít gặp trong bướu Wilms như có canxi, bướu lan xa ngoài thận và hạch rốn thận

Câu 4: Theo dõi sau điều trị Hepatoblastoma cần làm

- A. Định lượng AFP trong máu
- B. .
- C. AFP trong máu tăng mà không rõ lý do: chụp CT phổi, bụng, não
- D. Trong trường hợp tái phát nên hội chẩn nhóm TBM để điều trị lại
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 5: Trẻ gái 10-18 tuois có khối u dạng nang một bên buồng trứng có vách dày. cần phải nghĩ đến bướu ác:

- A. Bướu có nguồn gốc từ tế bào mầm nguyên thủy**
- B. Bướu Krukenberg
- C. Lymphoma buồng trứng
- D. Serous cyst adenocarcinoma với CA 125 tăng
- E. Dermoid cyst (teratoma)

Câu 6: Bướu vùng chậu ở trẻ sơ sinh có dạng quả tạ gồm phần bướu ác nằm chìm trước vùng xương chậu và phần lộ ra ngoài dễ thấy được xếp vào nhóm

- A. Rhabdomyosarcoma
- B. Lymphoma
- C. Germ –cell tumors**

- D. Nėuoblastoma
- E. Sarcoma kém biėt hóa

Câu 7: Nồng độ AFP rất có ý nghĩa trong loại ung thu

- A. Hepatocell carcinama
- B. Heptablastoma**
- C. Germ-cell tumors
- D. Rhabdomyosarcoma
- E. A, B ,C đúng

Câu 8: Chỉ định sinh thiết hạch cổ ở trẻ em

- A. Tính chất hạch, kích thước tăng 3 chiều
- B. Điều trị KS nhưng ko giảm kích thước sau 2 – 3 tuần
- C. Hạch ko lớn nhưng ko giảm kích thước sau 5 – 6 tuần hoặc sau 6 – 12 tuần ko trở về bình thường
- D. Có kèm sốt trên 2 tuần, thiếu máu, gan lách to
- E. Tất cả đúng**

Câu 9: Điều nào sau đây không đúng về bệnh Hirschsprung

- A. Nữ gặp nhiều hơn nam**
- B. Tỷ lệ mắc tăng trong hội chứng Down
- C. Không có hạch thần kinh trong đám rối Auerbach
- D. Thường không đi kèm trong tình trạng viêm ruột
- E. Có thể ảnh hưởng đến ruột non

**Câu 10** Bé trai 1 tuổi nhập viện vì tiêu bón kéo dài từ 6 tháng tuổi. các triệu chứng sau đây là phù hợp với bệnh Hirschsprung, TRỪ:

- A. Tiền căn chậm tiêu phân su
- B. Suy dinh dưỡng
- C. Đặt thông hậu môn thấy phân lỏng, hôi, xám trào ra
- ~~D. Sờ thấy u phân~~
- E. Vàng da**

**Câu 11** Dấu hiệu nào trong thăm khám lâm sàng gợi ! bệnh Hirschsprung

- A. Tiêu phân su và giờ 24 sau sanh
- ~~B. Dấu tháo cống~~
- C. Hậu môn thực tràng không hẹp
- D. A và B
- E. Câu B và C**

**Câu 12** Cận lâm sàng sau đây dùng để chẩn vàng để chẩn đoán bệnh Hirschsprung

- A. X quang bụng không sửa soạn thấy khung đại tràng dẫn, ú hơi
- B. X quang đại tràng cản quang thấy hình ảnh một đoạn hẹp ở trực tràng bên ... dẫn to
- ~~C. Giải phẫu bẹn không có tế bào hạch thần kinh trong hai lớp cơ ruột~~
- D. Câu B và C**
- E. Tất cả đều đúng

Câu 13: Hình ảnh x quang đại tràng cản quang của bệnh Hirschsprung

- A. Có đoạn chuyển tiếp theo sau đoạn hẹp và phía trên là đoạn dẫn
- B. Khẩu kính của thực tràng nhỏ hơn đại tràng xích ma
- C. Chậm thải thuốc sau 24 giờ
- D. Câu A và B

**E. Tất cả đều đúng**

Câu 14: Điều trị phù hợp đối với bệnh Hirschsprung

- A. Phải mổ ngay khi có chẩn đoán
- B. Có thể điều trị hỗ trợ trước, gồm thụt tháo và nong hậu môn
- C. Điều trị viêm ruột nếu có
- D. Câu A và B

**E. Câu B và C**

Câu 15: Triệu chứng nào sau đây gợi ý nang đường mật ở trẻ em

**A. Đau bụng**

B. Sốt

**C. Vàng da tắc mật từng đợt**

D. Túi mật to

E. Bụng trướng

Vàng da  
Đau bụng  
U HSP

Câu 16: Bé gái 5 tuổi nhập viện vì đau hạ sườn phải kèm sốt – bệnh 2 ngày. Tiền căn phát hiện nang ống mật chủ cách nhập viện 1 tháng chưa điều trị gì. Chẩn đoán nghĩ tới nhiều nhất

**A. Nhiễm trùng đường mật**

B. Viêm tụy

C. Viêm ruột thừa

D. Viêm túi mật

E. Viêm đáy phổi phải

Câu 17: Khám bệnh nhi trên thấy có vàng da – vàng mắt, các xét nghiệm cận lâm sàng cần làm ngay trên bệnh nhi này. NGOẠI TRỪ

A. CRP

B. Bilirubin máu

C. Men gan

D. Siêu âm bụng

**E. Chụp cộng hưởng từ túi mật**

Câu 18: Xét nghiệm hình ảnh thường dùng nhất để chẩn đoán nang đường mật ở trẻ em

A. X quang đường mật cản quang

**B. Siêu âm bụng**

C. Cộng hưởng từ mật tụy

D. Câu A và B

E. Câu B và C

Câu 19: Bé trai 2 tuổi bị vàng da tắc mật, bệnh nào có thể nghĩ tới

- A. Teo đường mật
- ☒ B. Nang đường mật
- C. Viêm gan
- D. Câu A và B
- E. Tất cả đều đúng

Câu 20: Điều trị nang đường mật

- ☒ A. Điều trị sớm nhất có thể
- B. Nên mổ khi nang > 2 cm
- C. Phải chụp CRCP trước mổ
- D. Bệnh nhi đang nhiễm trùng đường mật nên mổ sớm để giải quyết nguyên nhân gây nhiễm trùng
- E. Cắt nang sẽ dễ dàng hơn trên các bệnh nhi lớn do đó không cần mổ sớm

Câu 21: Trẻ 3 ngày tuổi không đi tiêu phân su sau sanh, bụng chướng to, ói dịch xanh. Chẩn đoán nghĩ tới

- A. Teo hồi tràng
- B. Teo đại tràng
- C. Bệnh Hirschsprung
- D. A và B
- ☒ E. A, B và C

Câu 22: Tiền căn mẹ đa ối thường gặp trong các bệnh sau. TRỪ

- A. .

Câu 29: Tìm câu đúng

- ☒ A. Biến chứng cắt bao quy đầu là chảy máu
- B. Chỉ định cắt bao quy đầu là khi có .....
- C. Chỉ định cắt bao quy đầu là khi có cong dương vật
- D. Chỉ định cắt bao quy đầu khi có vùi dương vật
- E. Tất cả đều đúng

Câu 30: Tìm câu sai

- A. Chỉ định tuyệt đối cắt bao quy đầu là BXO
- B. Cắt bao quy đầu có thể gây thủng niệu đạo
- ☒ C. Cắt bao quy đầu là thủ thuật đơn giản ít gây biến chứng
- D. Không cắt bao quy đầu ở trẻ bị vùi dương vật
- E. Biến chứng cắt bao quy đầu là hẹp lỗ sáo

Câu 31: Chống chỉ định cắt bao quy đầu

- A. Theo tôn giáo
- B. BXO
- C. Dài da quy đầu
- ☒ D. Thoát vị bẹn túi ...
- E. Hẹp da quy đầu đang nông da quy đầu

Câu 32: Thương tổn nào không phải biến chứng cắt bao quy đầu

- A. Phù nề da quy đầu

- B. Sẹo xấu
- C. Thủng niện đạo
- D. Hẹp miệng sao

☒ E. Són tiểu sau cắt da quy đầu

Câu 33: Thận bắt đầu bài tiết ra nước tiểu ở tuần lễ thứ

- ☒ A. 10
- B. 12
- C. 14
- D. 16
- E. 18

Câu 34: Dẫn đường tiết niệu trên có nghĩa là , ngoại trừ

- A. Sự rộng hóa đường tiết niệu chưa hoàn chỉnh
- B. Sự trưởng thành chậm của đường tiết niệu
- C. Đã có tắc ở bên dưới
- D. Chưa chắc chắn, có thể thay đổi theo thời gian, tốt hơn hoặc xấu hơn

☒ E. Là một trường hợp điển hình .... Sau phẫu thuật

Câu 35: Có thể phát hiện được ứ nước ở thận thái nhi tuần lễ thứ:

- ☒ A. 15
- B. 18
- C. 20
- D. 25
- E. 30

16-20w

Câu 36: Dấu hiệu nào sau đây gọi ! có tắc ở đường tiết niệu

- A. Bụng trướng
- ☒ B. Đau bụng
- C. Ói
- D. Tiêu máu
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Câu 37: Xạ hình thận trong chẩn đoán tắc khúc nối bể thận niệu quản là

- A. Một phương tiện cần làm sàng cần thiết để chẩn đoán
- ☒ B. Cho biết chứng năng chính xác mỗi bên thận
- C. Sử dụng cho mọi lứa tuổi
- D. Có thể áp dụng thường quy cho tất cả trường hợp có thận ứ nước
- E. Có tính phổ biến

Câu 38: Dị dạng nào không hay phối hợp với hẹp khúc nối bể thận niệu quản

- A. Thận đa nang
- B. Trào ngược ngược bàng quang niệu quản
- C. Thận và niệu quản dài dài
- ☒ D. Thận lạc chỗ
- E. Nhóm VACTERL

Câu 39: Phim chụp bộ niệu đường tĩnh mạch (UIV) cho biết

**A. Hình ảnh dẫn đài bể thận (nếu có)**

- B. Cho biết chính xác chức năng thận
- C. Đánh giá chính xác tắc nghẽn hệ niệu
- D. Là chận lâm sàng thay thế được siêu âm
- E. Áp dụng thường quy cho mọi trường hợp thận ứ nước

Câu 40: Tinh hoàng ản: tìm câu đúng

**A. Gặp nhiều ở trẻ sinh non**

- B. Nên được mổ càng sớm càng tốt ngay ở tuổi sơ sinh
- C. Hay còn gọi là tinh hoàn di động
- D. Tinh hoàn di chuyển qua ống bẹn trong 2 tháng đầu của thai kỳ
- E. ...

Câu 41: Câu đúng

**A. Tinh hoàng ản gặp nhiều ở trẻ sinh non**

- B. Tinh hoàng ản nên được mổ càng sớm càng tốt
- C. Tinh hoàn trong ổ bụng là tinh hoàn lạc chỗ
- D. Tinh hoàn di chuyển qua ống bẹn trong 3 tháng đầu của thai kỳ
- E. Khi sờ được tinh hoàn phải xác định bằng S&A

Câu 42: Tuổi nhỏ nhất để mổ tinh hoàng ản là

- A. 1 tháng
- B. 3 tháng
- D. 12 tháng
- E. 18 tháng

**C. 6 tháng**

Câu 43: Tinh hoàng ản ở trẻ

- A. Ít gặp hơn ở trẻ sinh đủ tháng**
- B. Thường bắt đầu tự di chuyển xuống bìu khi trẻ được 6 tháng tuổi
- C. Tỷ lệ di chuyển xuống bìu cao nhất trong 12 tháng đầu sau sanh
- D. Cần phẫu thuật can thiệp khi ở thời điểm 3 tháng tuổi

**E. Có thể 1 hoặc 2 bên**

Câu 44: Tinh hoàn di động

Câu 45: Tinh hoàn di động

Câu 46: Bệnh lý thoát vị bẹn ở trẻ em là:

- A. Do thành bụng của trẻ em yếu
- B. Thường gặp ở trẻ tăng động
- C. Do tồn tại ống phúc tinh mạc**
- D. Do có nhiều dịch trong ổ bụng thoát xuống bẹn
- E. Do biến chứng phẫu thuật vùng bẹn bìu

Câu 47: Chọn câu đúng về bệnh lý tồn tại ống phúc tinh mạc ở trẻ em

- A. Tần xuất 0,8-4 % trẻ em
- B. Trẻ sinh non có tỉ lệ cao khoảng 30%
- C. Thường gặp năm đầu tháng đầu
- D. Nam bệnh nhiều hơn nữ

**E. Tất cả đều đúng**

Câu 48: Xử trí bệnh lý tồn tại ống phúc tinh mạc chọn câu SAI:

- A. Thoát vị bẹn mổ sớm ngay khi có chẩn đoán
- B. Thủy tinh mạc, mang thừng tinh mổ từ 12-24 tháng tuổi
- C. Nguyên tắc phẫu thuật là cột thắt ống phúc tinh mạc
- ☒ D. Thoát vị bẹn ở nữ (thoát vị ống nuck) thường tự lành không cần phẫu thuật
- E. Mổ thoát vị ống nuck phải mở ống nuck kiểm tra do 20 % là thoát vị bẹn ....

Câu 49: Chẩn đoán phân biệt thoát vị bẹn:

- A. Viêm hạch bẹn bìu
- B. Viêm mào tinh hoàn
- C. Viêm tinh hoàn
- D. Xoắn tinh hoàn
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Câu 50: Thoát vị bẹn

Câu 51: Thủy tinh mạc:

Câu 52: Thoát vị bẹn. Chọn câu sai

- ☒ A. Có khả năng tự lành sau 3 tuổi
- B. Phẫu thuật ngay khi có chẩn đoán
- C. Ở bé gái còn gọi là thoát vị ống Nuck
- D. Bệnh sử đóng vai trò quan trọng trong chẩn đoán
- E. Không đáp án nào đúng

Câu 53: Câu nào sau đây đúng về siêu âm trong chẩn đoán lồng ruột

- A. Độ nhạy là và đặc hiệu là 90% 100%
- B. Hình ảnh Cocarde trên mặt cắt ngang
- C. Hình “giả thận” hay “bánh mì sandwich” trên mặt cắt dọc
- ☒ D. Chỉ B và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 54: Sinh lý bệnh của lồng ruột

- A. Tắc ruột cơ học gây nôn và đau bụng từng cơn
- B. Chèn ép tĩnh mạch và bạch mạch gây phù nề ruột
- C. Chèn ép động mạch gây thiếu máu nuôi và hoại tử ruột
- D. Chỉ B và C đúng
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Câu 55: Hình hướng dùng cho câu 55 và 56 : bé gái 9 tháng tuổi, quấy khóc và ỉa ra sữa cách nhập viện 50 giờ. Ỉa dịch xanh sốt từ cách nhập viện 3 giờ. Khám mạch 150l/p; T 39 °C; NT 40 l/p; HA 100/60 mmHg, bụng chướng vừa, ấn đau khắp bụng. Cận lâm sàng cần làm

- A. Siêu âm bụng
- B. X quang bụng không sữa soạn
- C. Công thức máu
- D. CRP, ion đồ
- ☒ E. Tất cả đều đúng

Câu 56: Xử trí nào cần thiết



- A. Đặt thông mũi dạ dày
- B. Đặt thông thực tràng
- C. Dịch truyền bù nước và điện giải
- D. Kháng sinh, hạ sốt

☒ E. Tất cả các câu trên

Câu 57: Lồng ruột có nguyên nhân, Chọn câu SAI

- A. Thường gặp là do túi thừa Meckel, polyp, u nang ruột đôi
- ☒ B. Triệu chứng tương tự như lồng ruột nguyên phát ở trẻ nhũ nhi
- C. Thường tái phát nếu chưa xử lý nguyên nhân
- D. Là chỉ định phải mổ tháo lồng
- E. Thường gặp trên lồng ruột ở trẻ lớn

Sơ sinh: biểu hiện như viêm ruột hoại tử  
Trẻ lớn: biểu hiện tắc ruột non

Câu 58: Triệu chứng của lồng ruột, chọn câu SAI

- A. Tam chứng kinh điển: không thét, ói vọt, đi cầu nhầy máu
- B. Sờ thấy u lồng là triệu chứng đáng tin cậy
- C. Bụng chướng căng, sốt cao, ọc dịch xanh gợi ý có biến chứng
- D. Tiêu nhầy máu là triệu chứng muộn

☒ E. Dấu hố chầy phải rỗng (dấu hiệu Dance) là triệu chứng không có giá trị

Câu 59: Tìm câu sai: lồng ruột

- A. Hội chứng tắc ruột
- ☒ B. Chỉ xảy ra ở tuổi nhũ nhi
- C. Xuất độ thường gặp ở trẻ dinh dưỡng tốt (bụ bẫm)
- D. Năm gặp nhiều hơn nữ
- E. Đa số trường hợp không có nguyên nhân

Câu 60: Chỉ định phẫu thuật trong bệnh lồng ruột ở trẻ em

- A. Đến trễ hơn 24 h sau tiếng khóc thét đầu tiên
- B. Tháo lồng không mổ thất bại
- C. Biến chứng viêm phúc mạc do hoại tử ruột

☒ D. B và C đúng

E. A, B và C đúng